

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 17 – 01 – 2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tấn Thành.
- Ông Lê Văn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:** Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST – DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1973; Địa chỉ: KP D, Phường X, TX S, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện theo uỷ quyền bà H:** ông Võ Hoàng Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: 1 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo giấy uỷ quyền lập ngày 23/10/2023). Có mặt.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Cáp Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1980; Địa chỉ: B đường B, KP L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Phan Thanh S, sinh năm 1975; Địa chỉ: KP D, Phường X, TX S, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện theo uỷ quyền của ông S:** ông Võ Hoàng Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: 1 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo giấy uỷ quyền lập ngày 03/11/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có quan hệ quen biết với nhau, vào ngày 25/4/2022, vợ chồng ông S, bà H có cho vợ chồng ông V, bà L mượn số tiền 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*), mục đích để làm ăn, có viết giấy mượn tiền, không thoả thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Đến năm 2023, vợ chồng ông S, bà H cần lấy lại tiền gốc nên nhiều lần thông báo bằng miệng cho vợ chồng ông V, bà L trả nợ nhưng vợ chồng ông V, bà L không thực hiện đúng thoả thuận. Vào tháng 7/2023, vợ chồng ông V, bà L trả cho vợ chồng ông S, bà H số tiền: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), nên còn nợ 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà L phải trả cho vợ chồng ông S, bà H toàn bộ số tiền gốc 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tính theo quy định của pháp luật từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử vụ án, tại đơn khởi kiện có ghi số tiền 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) do có sự nhầm lẫn.

**Theo biên bản lấy lời khai (BL29) và tại phiên toà, bị đơn vợ chồng ông Cáp Văn V, bà Nguyễn Thị Thu L thống nhất trình bày:*

Vợ chồng ông V, bà L thừa nhận ngày 25/4/2022 có mượn vợ chồng ông S, bà H số tiền 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*) đúng như giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp và thoả thuận bằng miệng lãi suất 3%/ tháng. Tháng 7/2023, vợ chồng ông V, bà L trả cho vợ chồng ông S, bà H số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), số tiền còn nợ là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Vợ chồng ông V, bà L đồng ý trả cho vợ chồng ông S, bà H số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh tính theo quy định của pháp luật từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử vụ án nhưng kinh tế gặp khó khăn nên xin trả mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

** Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S trình bày:* Thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không trình bày bổ sung.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông V, bà L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông S, bà H tiền gốc 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 13/10/2023 đến ngày Toà án xét xử vụ án, về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà L trả số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tính theo quy định của pháp luật từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử vụ án. Vợ chồng ông V, bà L có nơi cư trú tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày việc vay mượn không tính lãi, bị đơn cho rằng có lãi suất 3%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và trong giấy mượn tiền ngày 25/4/2022 các bên không thoả thuận thời gian trả nợ và lãi suất. HĐXX xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không lãi suất.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự thống nhất bị đơn vợ chồng ông V, bà L còn nợ vợ chồng ông S, bà H số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), bị đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử vụ án. Nguyên đơn yêu cầu trả một lần, bị đơn yêu cầu trả 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Vợ chồng ông V, bà L còn nợ tiền vợ chồng ông S, bà H số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Bà H nhiều lần đòi nợ bằng miệng nhưng vợ chồng ông V, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của vợ chồng ông S, bà H được pháp luật bảo vệ và yêu cầu trả 3.000.000đ

(Ba triệu đồng)/ tháng của vợ chồng ông V, bà L không được vợ chồng ông S, bà H chấp nhận.

Về tiền lãi phát sinh: các đương sự thống nhất tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/10/2023 đến ngày 17/01/2024 là: 03 tháng 04 ngày x 170.000.000đ x 10%/ năm = 4.439.000đ.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[4] Về án phí: bị đơn vợ chồng ông V, bà L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể: 174.439.000đ x 5% = 8.721.950đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H. Buộc vợ chồng ông Cáp Văn V, bà Nguyễn Thị Thu L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phan Thanh S bà Trần Thị Mỹ H số tiền 174.439.000đ (*Một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*), trong đó: tiền gốc là: 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi: 4.439.000đ (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: buộc vợ chồng ông Cáp Văn V, bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 8.721.950đ (*Tám triệu bảy trăm hai mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí bà H nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008613 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà

